

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 04 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Trịnh Thị Oanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: T, A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C – Giám đốc Ngân hàng B - Chi nhánh Đ1; địa chỉ: E N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Ngọc T1 – Giám đốc Phòng G - Ngân hàng B - Chi nhánh Đ1; địa chỉ: A G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Chí L, sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

3.2. Ông Trần Chí L1, sinh năm 1985;

3.3. Ông Trần Chí L2, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T1 trình bày:

Ngày 29/12/2016 Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 – P và ông Trần Chí H1 (đã chết), bà Nguyễn Thị V ký kết hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi) số 01/2016/7993486/HĐTD để ông H1, bà V vay 150.000.000đ đồng, lãi suất cho vay là 10,3%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay về để Chăn nuôi bò thịt.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ trả nợ, ông H1, bà V thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486/HĐBĐ ngày 21/10/2015 đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 628002thửa đất số 83, tờ bản đồ số 07, diện tích 582m² do UBND huyện K cấp ngày 16/06/2015Hộ ông Trần Chí H1, bà Nguyễn Thị V. Thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H1, bà V chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Sau đó khoản vay quá hạn nên đến ngày 16/3/2018 Ngân hàng đã chuyển khoản cho vay theo món với phương thức lãi nhập gốc theo quy định của hợp đồng, trong đó gốc 150.000.000 đồng, lãi 18.789.437 đồng, tổng cộng là 168.789.437 đồng tiền gốc.

Ngân hàng đã làm việc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng ông H1, bà V vẫn chưa trả được khoản tiền nào cho Ngân hàng, đồng thời không đồng ý bàn giao tài sản cho ngân hàng xử lý. Nay khoản vay đã quá hạn, tính đến ngày 04/3/2024 ông H1, bà V còn nợ Ngân hàng 323.967.509 đồng, trong đó nợ gốc 168.789.437 đồng; nợ lãi quá hạn 155.178.072 đồng. Ngày 19/3/2018 ông Trần Chí H1 chết do bệnh.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 04/3/2024 là 323.967.509 đồng, trong đó nợ gốc 168.789.437 đồng; nợ lãi quá hạn 155.178.072 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V không thực hiện trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486ngày 21/10/2015 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị V trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp. Ngoài ra, ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Ngày 29/12/2016 bà V và chồng là ông Trần Chí H1 (đã chết ngày 19/3/2018) ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2016/7993486/HĐTD ngày 29/12/2016 với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 – P, để vay vốn số tiền 150.000.000đ đồng, mục đích vay Chăn nuôi bò thịt, Lãi suất trong hạn: 10,3%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 12 tháng.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486/HĐBĐ ngày 21/10/2015 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 628002thửa đất số 83, tờ bản đồ số 07, diện tích 582m² do UBND huyện K cấp

ngày 16/06/2015 Hộ ông **Trần Chí H1**, bà **Nguyễn Thị V**. Thửa đất tại **xã E, huyện K**.

Sau đó khoản vay quá hạn nên đến ngày 16/03/2018 Chi nhánh đã chuyển cho vay theo món với phương thức lãi nhập gốc theo quy định của hợp đồng, trong đó gốc 150.000.000 đồng, lãi 18.789.437 đồng, tổng cộng 168.789.437 đồng.

Quá trình vay vốn vợ chồng bà **V** chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng, hiện khoản vay trên đã quá hạn. Ngày 19/3/2018 ông **Trần Chí H1** chết do bệnh.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị V** phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 12/01/2024 là 320.264.315 đồng, trong đó nợ gốc 168.789.437 đồng, nợ lãi quá hạn 151.474.878 đồng và toàn bộ lãi phát sinh thêm theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng thì bà **V** đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên xin trả dần khoản nợ trên.

Trường hợp bà **V** không thực hiện trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu nêu trên thì bà **V** đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà **V** trả xong nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Ngân hàng trả lại cho bà **V** quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H** trình bày:* Bà **H** là con dâu của bà **Nguyễn Thị V** và là vợ của ông **Trần Chí L**. Thửa đất mà bà **V** đang thế chấp ở Ngân hàng có căn nhà cấp 4 mà vợ chồng bà **H** đang ở, xây dựng năm 2012.

Năm 2016 bà **Nguyễn Thị V** thế chấp đất và tài sản trên đất để vay Ngân hàng thì vợ chồng bà **H** có biết và đồng ý cho Ngân hàng nhận thế chấp toàn bộ tài sản mà vợ chồng bà **H** đang quản lý, thời điểm vay thì ông **L** cũng ủy quyền thế chấp tài sản cho bố mẹ đi vay. Do đó, Trường hợp bà **V** không trả nợ được cho Ngân hàng mà phải xử lý bán tài sản thế chấp trong đó có căn nhà vợ chồng bà **H** đang ở thì bà **H** đồng ý và không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Chí L**, ông **Trần Chí L1**, ông **Trần Chí L2** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.

Buộc bà **Nguyễn Thị V** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** 168.789.437 đồng (nợ gốc), khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi bà **Nguyễn Thị V** thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Trường hợp bà **Nguyễn Thị V** không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486/HĐBĐ ngày 21/10/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại **huyện K, tỉnh Đắk Lắk** và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị V**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Chí L**, bà **Nguyễn Thị H**, ông **Trần Chí L1**, ông **Trần Chí L2** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà **Nguyễn Thị V** phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7993486/HĐTD ngày 29/12/2016 thì thấy:

Ngày 29/12/2016 **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 - P** và ông **Trần Chí H1** (đã chết), bà **Nguyễn Thị V** ký kết hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi) số 01/2016/7993486/HĐTD để ông **H1**, bà **V** vay số tiền 150.000.000đ đồng, lãi suất cho vay là 10,3%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay về để Chăn nuôi bò thịt. Tuy nhiên, Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà **V** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, hiện nay cũng chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Ngày 16/3/2018 Ngân hàng đã chuyển khoản cho vay theo món với phương thức lãi nhập gốc theo quy định của hợp đồng, trong đó gốc 150.000.000 đồng, lãi 18.789.437 đồng, tổng

cộng là 168.789.437 đồng tiền gốc. Ngân hàng đã đến nhà làm việc nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà **V** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng. Ngày 19/3/2018 ông **Trần Chí H1** chết do bệnh. Theo khởi kiện cũng như quá trình tham gia tố tụng Ngân hàng đều xác định khoản vay trên cho ông **H1**, bà **V** vay nhưng nay ông **H1** đã chết nên Ngân hàng chỉ khởi kiện một mình bà **V** có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện buộc bà **Nguyễn Thị V** phải trả số tiền tính đến ngày 04/3/2024 là 323.967.509 đồng, trong đó nợ gốc 168.789.437 đồng, nợ lãi quá hạn 155.178.072 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486/HĐBĐ ngày 21/10/2015 thì thấy: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 628002 thửa đất số 83, tờ bản đồ số 07, diện tích 582m² do **UBND huyện K** cấp ngày 16/06/2015 Hộ ông **Trần Chí H1**, bà **Nguyễn Thị V**. Thửa đất đứng tên Hộ ông **H1**, bà **V**, ngày 16/10/2015 các con trong hộ ông **H1** gồm **Trần Chí L**, **Trần Chí L1** và **Trần Chí L2** đã làm thủ tục ủy quyền để ông **H1**, bà **V** thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Mặt khác, ngoài căn nhà của bà **V** thì trên đất còn có căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông **L**, bà **H** xây dựng năm 2012, năm 2016 vợ chồng bà **V** thế chấp tài sản để vay Ngân hàng thì ông **L**, bà **H** đều biết và đồng ý. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng, chứng thực hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận.

Như vậy, trường hợp bà **Nguyễn Thị V** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà **Nguyễn Thị V** phải chịu 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc bà **Nguyễn Thị V** phải trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn bà **Nguyễn Thị V** là người cao tuổi (trên 60 tuổi), có đơn xin miễn án phí nên trường hợp được miễn án phí. Do đó, **M** toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị V**.

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ**.

1.1 Buộc bà **Nguyễn Thị V** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** 323.967.509 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ chín đồng), trong đó nợ gốc 168.789.437 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn 155.178.072 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng) tính đến ngày 04/3/2024.

Kể từ ngày 05/3/2024 bà **Nguyễn Thị V** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trường hợp bà **Nguyễn Thị V** trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà **Nguyễn Thị V**: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 628002 thửa đất số 83, tờ bản đồ số 07, diện tích 582m² do **UBND huyện K** cấp ngày 16/06/2015 Hộ ông **Trần Chí H1**, bà **Nguyễn Thị V**. Thửa đất tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**.

Trường hợp bà **Nguyễn Thị V** không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/7993486/HĐBĐ ngày 21/10/2015 đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 628002 thửa đất số 83, tờ bản đồ số 07, diện tích 582m² do **UBND huyện K** cấp ngày 16/06/2015 Hộ ông **Trần Chí H1**, bà **Nguyễn Thị V**. Thửa đất tại **xã E, huyện K** để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà **Nguyễn Thị V** phải chịu 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc bà **Nguyễn Thị V** phải trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị V**.

Trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ** 7.843.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003489 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam